

\*

Cao Bằng, ngày 22 tháng 12 năm 2022

**ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP**

**Lớp trung cấp lý luận chính trị khóa 10 (huyện Quảng Hoà)**

**1. Điểm khóa luận tốt nghiệp**

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Bé Đặng Chính	8,25	Tám phẩy hai năm	9	Ma Thuý Hường	8,00	Tám
2	Hà Thị Diệp	8,25	Tám phẩy hai năm	10	Hoàng Quang Huy	8,25	Tám phẩy hai năm
3	Đàm Thị Dung	8,00	Tám	11	Đinh Thị Nguyệt	8,00	Tám
4	Nông Văn Giang	8,25	Tám phẩy hai năm	12	Mông Thị Thảo	8,25	Tám phẩy hai năm
5	Ngô Thị Lệ Hằng	8,00	Tám	13	Hoàng Thu Trang	8,00	Tám
6	Lý Thị Hằng	8,25	Tám phẩy hai năm	14	Đỗ Thu Trang	8,50	Tám phẩy năm
7	Đinh Thị Hậu	8,00	Tám	15	Hà Thị Hồng	8,25	Tám phẩy hai năm
8	Đinh Thị Huệ	8,00	Tám	16	Mã Thị Út	8,00	Tám

**2. Điểm thi tốt nghiệp**

1	Lục Thị Vân Anh	7,50	Bảy phẩy năm	33	Nông Minh Lệ	7,58	Bảy phẩy năm tám
2	Đàm Thị Bằng	7,08	Bảy phẩy không tám	34	Nông Thị Linh	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
3	Nông Thị Bé	7,42	Bảy phẩy bốn hai	35	Hứa Thị Loan	7,50	Bảy phẩy năm
4	Nguyễn Thị Biển	7,42	Bảy phẩy bốn hai	36	Lý Thị Minh	6,92	Sáu phẩy chín hai
5	Phan Mạnh Cường	7,08	Bảy phẩy không tám	37	Hoàng Thị Minh	7,17	Bảy phẩy mười bảy
6	Nông Văn Đạt	7,08	Bảy phẩy không tám	38	Triệu Quang Một	7,33	Bảy phẩy ba ba
7	Bé Thị Diệp	7,17	Bảy phẩy mười bảy	39	Vương Thị Na	7,83	Bảy phẩy tám ba
8	Tô Văn Dự	7,25	Bảy phẩy hai năm	40	Nông Văn Nam	7,33	Bảy phẩy ba ba
9	Hoàng Văn Dẫn	7,17	Bảy phẩy mười bảy	41	Hoàng Thị Nga	7,33	Bảy phẩy ba ba
10	Lương Văn Dưỡng	6,83	Sáu phẩy tám ba	42	Đàm Thị Thanh Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
11	Phan Thị Duyên	7,17	Bảy phẩy mười bảy	43	Đinh Văn Nghĩa	7,50	Bảy phẩy năm
12	Lý Thị Duyên	7,33	Bảy phẩy ba ba	44	Nguyễn Thị Ngọc	7,25	Bảy phẩy hai năm
13	Triệu Thị Hạ	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	45	Lục Thị Nhung	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
14	Lã Thị Hạnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	46	Đàm Thị Niêm	7,58	Bảy phẩy năm tám

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
15	Ma Văn Hiến	7,25	Bảy phẩy hai năm	47	Lục Thị Kim Oanh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
16	Nguyễn Thị Hiệp	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	48	Nguyễn Lệ Quyên	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
17	Lưu Diệu Hoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	49	Hoàng Thị Tâm	7,58	Bảy phẩy năm tám
18	Lương Thị Hoa	7,50	Bảy phẩy năm	50	Đàm Hồng Tân	7,33	Bảy phẩy ba ba
19	Lục Thị Hoài	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	51	Đàm Văn Thắng	7,25	Bảy phẩy hai năm
20	Nguyễn Thị Hoan	7,50	Bảy phẩy năm	52	Đinh Phương Thảo	7,42	Bảy phẩy bốn hai
21	Hà Ngọc Hoàng	7,42	Bảy phẩy bốn hai	53	Nông Bích Thu	7,25	Bảy phẩy hai năm
22	Phạm Thị Huân	7,50	Bảy phẩy năm	54	Triệu Minh Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
23	Nông Thị Huệ	7,83	Bảy phẩy tám ba	55	Đàm Thị Thuyền	7,58	Bảy phẩy năm tám
24	Mông Thị Huệ	7,42	Bảy phẩy bốn hai	56	Bé Thị Tiềm	7,58	Bảy phẩy năm tám
25	Triệu Thị Thu Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	57	Nông Thị Tiến	7,58	Bảy phẩy năm tám
26	Bé Thị Huệ	7,58	Bảy phẩy năm tám	58	Đỗ Văn Tĩnh	7,33	Bảy phẩy ba ba
27	Hoàng Thị Huyền	7,58	Bảy phẩy năm tám	59	La Thị Huyền Trang	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
28	Lục Thị Huyền	7,92	Bảy phẩy chín hai	60	Bé Văn Tư	7,00	Bảy
29	Hoàng Văn Khỏe	7,08	Bảy phẩy không tám	61	Đàm Thúy Tuyền	7,92	Bảy phẩy chín hai
30	Bé Thị Kiều	7,58	Bảy phẩy năm tám	62	Ma Ngọc Vĩnh	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
31	Nguyễn Thị Hoài Lan	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	63	Đàm Thị Vui	7,58	Bảy phẩy năm tám
32	Lục Thị Thúy Lâm	7,83	Bảy phẩy tám ba				

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**K/THIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Triệu Văn Lượng**



**Đoàn Thị Vân Thúy**




**Hoàng Việt Hưng**